

Số: 1344591

|                                            | Sorento Hybrid 1.6L Premium                           | Kia Sorento 2.2D Signature (7 chỗ) Nội thất nâu |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Giá niêm yết:                              | 1.149.000.000đ                                        | 1.209.000.000đ                                  |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                                                       |                                                 |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700                                    | 4810 x 1900 x 1700                              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                                  | 2815                                            |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                                  | 5780                                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                                   | 176                                             |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1950                                                  | 1890   1860                                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2580                                                  | 2430   2490                                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                                   | 357                                             |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                                    | 67                                              |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                     | 7                                               |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                      | SX-LR trong nước                                |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                                                       |                                                 |
| Loại động cơ                               | Xăng 1.6T + Motor điện                                | Smartstream D2.2                                |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1598                                                  | 2151                                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 178hp(ĐC Xăng) + 60hp(Motor điện),<br>227hp(kết hợp)  | 198/3800                                        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 265Nm(ĐC Xăng) + 264Nm(Motor điện),<br>350Nm(kết hợp) | 440/1750-2750                                   |
| Hộp số                                     | 6AT                                                   | 8-DCT                                           |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                       | 2 cầu (AWD)                                     |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                             | McPherson                                       |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                      | Liên kết đa điểm                                |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                   | Đĩa                                             |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                   | Đĩa                                             |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                            | 235/55R19                                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 5.9                                                   | 7.4                                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.8                                                   | 5.3                                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.9                                                   | 6.1                                             |
| Chế độ lái                                 | Eco/Sport/Smart                                       | Comfort/Eco/Sport/Smart                         |
| NGOẠI THẤT:                                |                                                       |                                                 |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                         | LED Projector                                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                                     | ●                                               |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                     | ●                                               |
| Đèn sương mù                               | LED                                                   | LED                                             |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                   | LED                                             |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                     | ●                                               |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                     | ●                                               |
| Cửa sổ trời                                | ●                                                     | ●                                               |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                                                       |                                                 |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                     | ●                                               |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                    | Da                                              |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                     | ●                                               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                                     |                                                 |

|                                                 |                           |                                              |
|-------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------|
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                         | ●                                            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 12.3"                     | 12.3"                                        |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | AVN 10.25"                | AVN 10.25"                                   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                         | ●                                            |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                         | ●                                            |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2                         | 2 vùng                                       |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                         | ●                                            |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                         | ●                                            |
| Khởi động nút bấm                               | ●                         | ●                                            |
| Khởi động từ xa                                 | ●                         | ●                                            |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa                     | 12 loa Bose                                  |
| Lấy chuyển số                                   | ●                         | ●                                            |
| Sạc không dây Qi                                | ●                         | ●                                            |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                         | ●                                            |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                         | ●                                            |
| Đèn trang trí nội thất                          | ●                         | ●                                            |
| Rèm che nắng                                    | ●                         | ●                                            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | -                         | -                                            |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                           |                                              |
| Số túi khí                                      | 6                         | 6                                            |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                         | ●                                            |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                         | ●                                            |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                         | ●                                            |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                         | ●                                            |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                         | ●                                            |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                         | ●                                            |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau               | Trước & Sau                                  |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |                                              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                         |                                              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                         | ●                                            |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                         | ●                                            |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                         | ●                                            |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                         | ●                                            |
| Camera lùi                                      | Camera 360                | Camera 360                                   |